TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 214/2025/HC-PT
Ngày 22/10/2025
V/v "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Lợi;

Ông Phạm Việt Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 49/2025/TBTL-HC ngày 05 tháng 8 năm 2025 về việc "Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 340/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4368/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện*:** Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, thành phố Hà Nội (trước đây là Đội 5, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội); vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Hoàng Anh T2, sinh năm 1976; địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, thành phố Hà Nội (trước đây là Đội 9, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội); có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người bị kiện*:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hà Nội (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố

Hà Nội); *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị N - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Hà Nội (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hà Nội); *Người đại diện theo ủy quyền:* Bà Nguyễn Thị N - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị H1; vắng mặt.

4. Ông Phạm Quang P; vắng mặt.

5. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1961; vắng mặt.

6. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1950; vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị P1, sinh năm 1951; vắng mặt.

8. Bà Phạm Thị X1, sinh năm 1964; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1967; vắng mặt.

10. Chị Phạm Thị Hiền M, sinh năm 1987; vắng mặt.

11. Chị Phạm Thị Quỳnh M1, sinh năm 1989; vắng mặt.

12. Chị Phạm Thị N1, sinh năm 1996; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Đ, thôn Y, xã N, thành phố Hà Nội (trước đây là Đội 5, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại tòa án, người khởi kiện ông Phạm Văn T1 trình bày:***

Gia đình ông là chủ sử dụng diện tích 175,5m^2 đất tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 36 được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Q 804320 đứng tên ông Phạm Văn Y là bố của ông. Diện tích đất này gia đình ông được Nhà nước giao từ những năm 1959 tại Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội.

Đến năm 1987 thì cấp bổ sung lần 2, nhân khẩu nào chết hay chuyển khẩu đi nơi khác thì cắt, ai mới sinh thì được cấp bổ sung. Sau khi được cấp lại, bổ sung thì UBND huyện T tự ý sửa đất 5% của gia đình thành đất nông nghiệp, gia đình không biết về thủ tục này. Đất được cấp cho những người trong gia đình gồm: Ông Phạm Văn Y, bà Nguyễn Thị B và các con là Phạm Văn T1, Phạm Thị X1. Ông Y chết năm 2017, bà B chết năm 2022.

Ngày 02/3/2010, gia đình cho anh Hoàng Anh T2 mượn thửa đất trên, đến ngày 07/6/2010 chuyển nhượng cho ông Hoàng D và anh Hoàng Ngọc H2 tại Đội 9, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội. Phần diện tích còn lại khoảng 31,5m^2 (trừ

một phần diện tích đất làm đường còn khoảng 28m^2) thuộc quyền sử dụng của bà Phạm Thị X1.

Vì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T khi thực hiện thu hồi đất và ban hành phương án bồi thường không thực hiện đúng quy định của pháp luật nên gia đình không được trình bày nội dung này. Vì vậy, người bị thiệt hại trực tiếp đối với đất và tài sản trên đất là gia đình ông Hoàng D và đất của bà Phạm Thị X1, đề nghị Tòa án xem xét xác định chính xác người bị thiệt hại, chuyển quyền người khởi kiện sang cho gia đình ông Hoàng D. Ông D đã mất vào năm 2009 (các con ông D: Hoàng Anh T2 - Chủ tài sản trên đất; Hoàng Ngọc H2 - người cùng nhận chuyển nhượng đất, Hoàng Thị N2, Hoàng Thị T4).

Thực hiện Dự án dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T, thành phố Hà Nội. Ngày 27/9/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4822/QĐ-UBND về việc thu hồi đất, theo đó thu hồi 175,5m^2 tại thửa số 33, tờ bản đồ số 36, địa chỉ Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội của gia đình. Cùng ngày, UBND huyện T ban hành Quyết định số 4855/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Theo đó gia đình được bồi thường về đất 135.000 đồng/m^2, bồi thường về tài sản bao gồm tường khung thép quây tôn cao 3,3m diện tích 166,44m^2 xây dựng năm 2000. Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ: 31.592.292 đồng.

Ngày 15/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 858/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất, với nội dung do không chấp hành Quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ.

Ngày 30/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T đã tiến hành tổ chức cưỡng chế không đúng quy định của pháp luật.

Không đồng ý với việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, ngày 18/9/2023, ông Phạm Văn T1 đã gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Đề nghị tuyên bố hành vi hành chính trong việc tổ chức cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện T là trái quy định pháp luật.

**** Ý kiến của UBND và Chủ tịch UBND huyện T:***

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019; Luật Đất đai năm 2013; các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chị tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ T5 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; các Quyết định của UBND thành phố H: số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 ban hành quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội; số 22/2022/QĐ-UBND ngày 25/5/2022 sửa đổi bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 về việc ban hành quy định một số nội dung về thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Hà Nội và Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 19/01/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện T; Căn cứ Quyết định số 7413/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND huyện T về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y) huyện T; Quyết định số 4222/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện T về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T; Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 của UBND huyện T về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện Dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Biên bản về việc điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm đất đai, tài sản gắn liền với đất của Tổ công tác; Giấy xác nhận của UBND xã N về việc sử dụng đất, tài sản gắn liền đất bị thu hồi để thực hiện Dự án khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N (thôn Y), huyện T; Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024; Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T6 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất, có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên đại bàn thành phố Hà Nội năm 2022; Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, vật kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Thông tư số

05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh; và các tài liệu có liên quan khác.

- Trình tự thực hiện để ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn Y (đã chết), người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Quang P là nhân khẩu được giao đất và các đồng thừa kế.

* Trình tự thực hiện:

Thực hiện Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 và Thông báo số 461/TB-UBND ngày 03/08/2022 của UBND huyện T về việc điều chỉnh Thông báo số 441/TB-UBND ngày 06/10/2021 về việc thu hồi đất của UBND huyện T. Trung tâm Phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan phối hợp với UBND xã N, UBMTTQ xã N, Tổ công tác tập trung triển khai công tác giải phóng mặt bằng dự án theo đúng quy định.

Căn cứ quy định tại Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H quy định các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND thành phố H về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hà Nội. Tổ công tác đã phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đầy đủ các quy định: Tổ công tác phối hợp các ban, ngành đoàn thể xã triển khai họp các hộ dân thông qua kế hoạch, thông báo thu hồi đất ngày 22/6/2021; Triển khai họp tuyên truyền, vận động các hộ dân phối hợp Tổ công tác điều tra, đo đạc, kiểm đếm, kê khai đất, tài sản gắn liền đất thu hồi ngày 25/10/2021; Công khai và giao Quyết định kiểm đếm bắt buộc đến các hộ dân ngày 02/11/2021; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ và thực hiện Quyết định kiểm đếm bắt buộc ngày 04/11/2021; Công khai và giao Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 23/02/2022; Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ thực hiện Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 25/02/2022; Tổ chức thực hiện các Quyết định cưỡng chế kiểm đếm bắt buộc ngày 28/02/2022; Công khai và giao dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ gia đình, cá nhân ngày 26/4/2022; Tổ chức họp lấy ý kiến các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ ngày 04/5/2022; Công khai và giao quyết định phê duyệt kèm phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ, Quyết định thu hồi đất ngày 30/9/2022; Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân ngày 19/10/2022; Vận động, thuyết phục các hộ gia đình nhận tiền và bàn giao mặt bằng ngày 15/3/2023. Theo quy định tại khoản 4 Điều 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H: *"Trường hợp sau*

khi đã được vận động, thuyết phục mà tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất vẫn cố tình không nhận tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà, đất được bố trí tái định cư và không chấp hành việc bàn giao đất thì ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo đơn vị trực tiếp làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phối hợp với ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ công tác và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã lập biên bản lưu hồ sơ và chuyển số tiền bồi thường, hỗ trợ phải chi trả này vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước, giữ nguyên phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để làm căn cứ giải quyết khiếu nại sau này (nếu có), đồng thời Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế thu hồi đất và tổ chức thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Điều 71 của Luật đất đai"

* Về việc áp dụng chính sách bồi thường, hỗ trợ theo phương án được phê duyệt tại Quyết định số 4856/QĐ-UBND ngày 27/9/2022:

- Về đất: Bồi thường về đất 100% đơn giá mục 4 Bảng số 1 kèm theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024: Giá đất nông nghiệp trồng lúa nước và trồng cây hàng năm tại các xã đồng bằng là 135.000 đồng/m^2.

- Về tài sản gắn liền với đất được áp dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

- Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/QĐ-UBND.

Như vậy: Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông Phạm Văn Y(ông Phạm Văn Y đã chết), người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Quang P là nhân khẩu được giao đất và các đồng thừa kế đã được phê duyệt theo đúng quy định.

Các nội dung kiến nghị của ông Phạm Văn T1, UBND huyện đã xem xét và giải quyết theo thẩm quyền. Đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

**** Ý kiến của UBND xã N:***

Căn cứ theo hồ sơ địa chính lưu giữ tại UBND xã N: Theo bản đồ do đạc năm 1986: Thửa đất gia đình ông Phạm Văn T1 đang sử dụng thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 01 thổ canh, diện tích 322m^2, loại đất: 1L. Theo bản đồ đo đạc năm 1994: Thửa đất gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 36, diện tích 209m^2, loại đất: LM.

Thửa đất có nguồn gốc là đất kinh tế gia đình được Hợp tác xã giao năm 1979 để sản xuất nông nghiệp được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ mang tên hộ

gia đình ông Phạm Văn Y ngày 23/6/2000, số vào sổ cấp GCN0079 QSDĐ/07, diện tích 175,5m^2 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 36, mục đích sử dụng: đất sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng 20 năm.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác*** về phía gia đình người khởi kiện: Nhất trí ý kiến của những người khởi kiện.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 340/2024/HC-ST ngày 25/9/2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Căn cứ khoản 3 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngay 29/3/2017 của UBND thành phố H về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hà Nội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí: Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T1 yêu cầu hủy:

- Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T, thành phố Hà Nội về việc thu hồi đất.

- Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 27/09/2022 của UBND huyện T, thành phố Hà Nội về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ.

- Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Hành vi hành chính Chủ tịch UBND huyện T, UBND xã N trong việc tổ chức cưỡng chế trái quy định pháp luật.

Đối với việc mua bán đất giữa gia đình ông Phạm Văn Y với gia đình ông Hoàng Anh T2 dành quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2024, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Anh T2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Phạm Văn T1 vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời trong đơn thể hiện quan điểm giữ nguyên kháng cáo của người khởi kiện; cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc xác định thiếu ngươi tham gia tố tụng đối với ông Hoàng Anh T2 xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của ông T2 và việc thu thập tài liệu chứng cứ của vụ án không đầy đủ; từ đó

ông đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1, hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

Người bị kiện đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND và Chủ tịch UBND xã N (kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của UBND huyện T) có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội có quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của người người khởi kiện ông Phạm Văn T1 trong hạn luật định, đủ điều kiện nên được xem xét theo thủ tục xét xử phúc thẩm.

- Về nội dung: Việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc thu hồi 175,5m^2 đất của hộ gia đình ông Phạm Văn Y (ông Y đã chết, người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Quang P); Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Y và Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Y là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. UBND xã N và Chủ tịch UBND huyện T đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn Y theo đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T1 là đúng quy định. Ông T1 kháng cáo nhưng không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của ông T1, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 340/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Phạm Văn T1 khởi kiện yêu cầu hủy: Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất; Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 27/09/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất; Tuyên hành vi hành chính trong

việc cưỡng chế của Chủ tịch UBND huyện T là trái quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 Luật tố tụng hành chính và Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì các quyết định hành chính và hành vi hành chính trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

Khiếu kiện của ông Phạm Văn T1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Bà Phạm Thị X1 là người thừa kế của ông Phạm Văn Y (đã chết) có đơn bổ sung là người khởi kiện. Ngày 25/09/2024 X1 có đơn xin rút không yêu cầu nữa. Xét thấy sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì bà X1 mới có đơn yêu cầu bổ sung, Tòa án chưa thụ lý yêu cầu của bà X1. Nay bà X1 có đơn xin rút yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

Ngày 18/9/2023, ông Phạm Văn T1 gửi đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy các quyết định hành chính và hành vi hành chính nêu trên trên là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 209 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về việc vắng mặt đương sự: Phiên tòa mở lần thứ 2, các đương sự đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt, trong đó người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Anh T2 và người bị kiện đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND và Chủ tịch UBND xã N có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông Phạm Văn Y tại Đ, thôn Y, xã N, huyện T, thành phố Hà Nội: Theo bản đồ do đạc năm 1986: Thửa đất gia đình ông Phạm Văn Y sử dụng thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 01 thổ canh, diện tích 322m^2, loại đất: 1L. Theo bản đồ đo đạc năm 1994: Thửa đất gia đình sử dụng thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 36, diện tích 209m^2, loại đất: EM. Thửa đất có nguồn gốc là đất kinh tế gia đình được Hợp tác xã giao năm 1979 để sản xuất nông nghiệp được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Phạm Văn Y ngày 23/6/2000, số vào sổ cấp GCN 0079 QSDĐ/07, trong đó có diện tích 209m^2 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 36, mục đích sử dụng: đất sản xuất nông nghiệp, thời hạn sử dụng 20 năm. Ông

Phạm Văn Y chết năm 2017, người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Quang P là nhân khẩu được giao đất và các đồng thừa kế là đúng quy định.

** Xét Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 27/09/2022 của UBND huyện T về việc thu hồi đất:*

- Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

+ Thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi đất đảm bảo theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

+ Trình tự, thủ tục ban hành: trước khi thu hồi đất, UBND huyện T đã ban hành Thông báo thu hồi đất để thực hiện dự án, tiến hành họp dân và tổ chức điều tra hiện trạng, xác nhận nội dung điều tra; lập, niêm yết lấy ý kiến về dự thảo, hoàn chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và công khai quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, chi trả tiền bồi thường và bản giao mặt bằng đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai; các Điều 34, 35, 36, 37 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

- Về dự án Khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N, thôn Y, xã N, huyện T là dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Chủ đầu tư: UBND huyện T. Đơn vị quản lý và triển khai dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện T.

- Mục tiêu đầu tư: giải phóng mặt bằng khu đấu giá quyền sử dụng đất số 1 xã N, thôn Y (không thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật) để đấu giá quyền sử dụng đất tạo nguồn thu cho ngân sách, tái đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng chung của xã và huyện. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện.

Do đó, đủ căn cứ để thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62, Điều 63 Luật Đất đai 2013 "Thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng".

Việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 4822/QĐ-UBND ngày 27/09/2022 về việc thu hồi 175,5m^2 đất là đúng quy định của pháp luật.

* Xét Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình có đất bị thu hồi để thực hiện dự án.

- Về trình tự thủ tục, thẩm quyền ban hành: UBND huyện T ban hành quyết định nêu trên là đảm bảo về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành theo quy định tại các Điều 66, 67, 69 Luật Đất đai năm 2013.

- Về nội dung tại phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng ban hành kèm theo Quyết định số 4855/QĐ-UBND.

Theo nội dung Quyết định số 4855/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của UBND huyện T về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình gia đình ông Phạm Văn Y (ông Y đã chết), người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Quang P là nhân khẩu được giao đất và các đồng thừa kế (kèm theo phương án chi tiết). Tổng cộng số tiền được bồi thường, hỗ trợ: 31.592.292 đồng, trong đó gồm: bồi thường về đất là: 135.000 đồng x 175,5m^2 = 23.692.500 đồng; Bồi thường, hỗ trợ về tài sản bao gồm tường khung thép quây tôn cao 3,3m điện tích 166,44m^2. Xây năm 2009 với mức hỗ trợ 10% đơn giá xây dựng là đúng quy định (áp dụng khoản 3 Điều 14 Quyết định số 10/QĐ-UBND); Thưởng tiến độ: 526.500 đồng.

+ Về đất: UBND huyện T đã xác định giá đất nông nghiệp trồng lúa nước và trồng cây hàng năm là 135.000đồng/m^2 và bồi thường bằng 100% đơn giá là đảm bảo theo quy định tại Mục 4 Bảng số 1 của Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố H về việc ban xe hành quy định và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành Hà Nội áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

+ Về cây trồng: được áp dụng và tính theo quy định tại Thông báo số 8369/TB-STC ngày 29/12/2021 của Sở T6 thông báo đơn giá bồi thường, hỗ trợ các loại cây, hoa màu, vật nuôi trên đất có mặt nước phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên đại bàn thành phố Hà Nội năm 2022.

+ Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác: Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng theo điểm a khoản 4 Điều 24 Quyết định số 10/2017/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của UBND thành phố H.

Như vậy, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ trên của UBND huyện T đối với hộ gia đình, nhận khẩu được giao đất và các đồng thừa kế là đúng quy định của pháp luật.

* Về Quyết định số 858/QĐ-UBND ngày 15/3/2023 của Chủ tịch UBND huyện T về việc cưỡng chế thu hồi đất:

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành: đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai 2013.

- Về nội dung: Sau khi ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. UBND xã N, Ủ xã N và Tổ công tác đã tổ chức bàn giao quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường và vận động, thuyết phục đối với hộ gia đình người có đất bị thu hồi để thực hiện dự án là đảm bảo theo quy định tại Điều 69 Luật Đất đai 2013. Tuy nhiên, hộ gia đình có đất bị thu hồi vẫn không phối hợp thực hiện nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Do đó, ngày 15/3/2023, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 858/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình có đất bị thu

hồi để thực hiện dự án là đảm bảo theo quy định tại Điều 71 Luật Đất đai năm 2013.

* Đối với yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T trong việc tổ chức cưỡng chế là trái pháp luật, thấy: UBND xã N và Chủ tịch UBND huyện T đã thực hiện việc cưỡng chế thu hồi đất đến hộ gia đình ông Phạm Văn Y theo đúng quy định tại Điều 71 Luật Đất đai. Do đó, yêu cầu của người khởi kiện về hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện T là không có cơ sở chấp nhận.

UBND và chủ tịch UBND huyện T ban hành các quyết định thu hồi đất; Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phạm Văn Y (ông Y đã chết), người sử dụng đất là bà Nguyễn Thị B, ông Phạm Văn T1, bà Trần Thị H, bà Phạm Thị H1, ông Phạm Quang P là nhân khẩu được giao đất và các đồng thừa kế của ông Phạm Văn Y đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc mua bán đất giữa gia đình ông Phạm Văn Y với gia đình ông Hoàng Anh T2. Ông T2 cho rằng diện tích bị thu hồi này là của ông T2 cho nên UBND huyện T phải lên phương án bồi thường hỗ trợ cho gia đình ông T2. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có bản án hay quyết định có hiệu lực nào xác nhận điều này. Do vậy, phương án bồi thường hỗ trợ cho hộ Phạm Văn Y là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng vụ án khác nếu có yêu cầu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T1 là đúng quy định. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn T1 là ông Hoàng Anh T2 kháng cáo nhưng không có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Hoàng Anh T2, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 340/2024/HC-ST ngày 25/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội như đề nghị của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Hà Nội tham gia phiên tòa là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Phạm Văn T1 phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Hoàng Anh T2 là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Phạm Văn T1;

Giữ nguyên quyết định của Bản án án hành chính sơ thẩm số 340/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Ông Phạm Văn T1 phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0079166 ngày 17/4/2025 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Lợi **Phạm Việt Hà** **Ngô Tự Học**

Nơi nhận:
- VCT&KSXXPT tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học